

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời, ông Lê Văn Cư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐHPT ngày 04/9/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1988.

ĐKKHKT: Số 250A Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Nơi ở hiện nay: Số 9/5/61 Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Phạm Bích N**, sinh năm 1990.

ĐKKHKT: Số 250A Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Số 990 A1 Ng, KP4, PH, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Anh L có mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Phạm Bích N được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường NT, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 26 tháng 9 năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc với nhau khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau. Khoảng năm 2016, chị N vào thành phố Hồ Chí Minh

làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Do vậy anh giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Anh xác định chữ ký, chữ viết trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị là của chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo L1, sinh ngày 30/10/2012, hiện cháu đang ở cùng anh. Nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án cho anh được tiếp tục nuôi cháu L1 cho đến khi con tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N vắng mặt tại phiên tòa. Hiện chị đang cư trú tại số 990 A1 Ng, KP4, PH, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị của chị N thể hiện chị đã có quan điểm đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vụ án. Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị thống nhất với anh L về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L xin ly hôn chị đồng ý. Về con chung vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo L1, sinh ngày 30/10/2012. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L được nuôi con. Chị được quyền thăm nom con chung theo quy định. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Lời khai ông Phạm Quang Tr xác định vợ chồng anh L, chị N có mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, đã sống ly thân từ năm 2016, vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng. Vợ chồng anh L, chị N có 01 con chung thống nhất như phần trình bày của anh L, chị N. Vợ chồng không có tài sản, nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên. Ông xác định toàn bộ chữ viết, chữ ký trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị đều là của chị N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Thanh L ly hôn chị Phạm Bích N; Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo L1 cho anh Nguyễn Thanh L nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung tròn 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân của anh với chị Phạm Bích N, hiện chị N đang cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng chị N và anh L đã có quan điểm đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Bích N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường NT, thành phố H. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh L và chị N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh L, chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh L, chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Nguyễn Thanh L ly hôn chị Phạm Bích N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh L, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo L1, sinh ngày 30/10/2012, hiện cháu đang ở cùng anh. Nay vợ chồng ly hôn anh L, chị N đề nghị Tòa án giao cho anh L được tiếp tục nuôi cháu L1 cho đến khi con tròn 18 tuổi, anh L tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu L1 cần giao cháu L1 cho anh L nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con, chị N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, anh L, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh L xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L.

- *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho anh Nguyễn Thanh L được ly hôn chị Phạm Bích N.

- *Về con chung*: Xử giao cho anh Nguyễn Thanh L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Bảo L1, sinh ngày 30/10/2012 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị N được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006972 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Anh L đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh L, vắng mặt chị N. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường NT, thành phố H để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan